UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ VĨNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:1660/QĐ-UBND	*Vĩnh Thuận, ngày 18 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xã Vĩnh Thuận, tỉnh An Giang đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị Quyết số 1654/NQ-UBTVQH 15 ngày 16/6/2025 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An

Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 10/10/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc triển khai lập nhiệm vụ, quy hoạch chung đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025 - 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 30/11/2025 của UBND tỉnh An Giang về công tác triển khai lập nhiệm vụ, quy hoạch chung đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025 - 2026;

Căn cứ Thông báo số 255/TB-VP ngày 11/3/2026 của Văn phòng UBND tỉnh về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hồ Văn Mừng tại cuộc họp với Sở Xây dựng về tiến độ triển khai một số dự án và nội dung trọng điểm trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 1400/TB-SXD ngày 15/8/2025 của Sở Xây dựng An Giang về việc hướng dẫn công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 3838/SXD-QH&PTĐT ngày 28/10/2025 của Sở Xây dựng về việc khẩn trương tổ chức triển khai lập nhiệm vụ, quy hoạch chung đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 4000/SXD-QH&PTĐT ngày 06/04/2026 của Sở Xây dựng về việc đôn đốc triển khai công tác lập quy hoạch chung đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 3041/SXD-QH&PTĐT ngày 30/04/2026 của Sở Xây dựng về việc triển khai thực thiện Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 30/03/2026 của UBND tỉnh Triển khai thi hành luật trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Công văn số 5706/SXD-QH&PTĐT ngày 08/06/2026 của Sở Xây dựng về việc rà soát trong quá trình triển khai tổ chức lập quy hoạch, thẩm định và phê duyệt các nhiệm vụ quy hoạch chung và quy hoạch chung trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1274/QĐ-UBND ngày 15/06/2026 của UBND xã

Vĩnh Thuận về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xã Vĩnh Thuận, tỉnh An Giang đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Biên bản số 08/BB-UBND ngày 25/6/2026 của UBND Vĩnh Thuận về việc thông qua Quy hoạch chung xã Vĩnh Thuận, tỉnh An Giang đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Thông báo số 214-TB/ĐU ngày 15/9/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy về chủ trương phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xã Vĩnh Thuận, tỉnh An Giang đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.00;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 153/TTr-PKT ngày 18/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xã Vĩnh Thuận, tỉnh An Giang đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

- Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính , tỉnh An Giang. Xã Vĩnh Thuận nằm phía cách Trung tâm tỉnh khoảng 90 km đường bộ, được giới hạn như sau:

- Phía Tây Bắc giáp : Xã U Minh Thượng.
- Phía Đông Nam giáp : Xã Vĩnh Phong.
- Phía Đông Bắc giáp : Xã Vĩnh Bình.
- Phía Tây Nam giáp : Tỉnh Cà Mau.

- Quy mô diện tích quy hoạch: toàn bộ địa giới hành chính (gồm 11 ấp) với diện tích khoảng 9.544,29 ha.

- Thời hạn lập quy hoạch chung xã Vĩnh Thuận, tỉnh An Giang đến năm 2050.

2. Quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch

2.1. Quan điểm

- Phát triển theo định hướng bền vững, tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên, đồng thời ưu tiên phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo.

- Bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất và phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 cũng như các chiến lược, quy hoạch ngành và định hướng phát triển của vùng, tạo nền tảng cho sự phát triển lâu dài và ổn định của địa phương.

- Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp, công nghiệp, hệ thống giao thông; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Làm cơ sở pháp lý và định hướng quan trọng để thu hút, kêu gọi các nguồn lực đầu tư; triển khai lập quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu (nếu có)

và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, góp phần phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và không gian nông thôn.

- Phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, đất đai và xây dựng; bảo đảm việc quản lý, cấp phép đầu tư, xây dựng và phát triển không gian theo đúng định hướng của Quy hoạch chung được cấp có thẩm quyền phê duyệt, góp phần sử dụng đất đai hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả.

2.2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế - xã hội và tổ chức không gian phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại và bền vững đến năm 2050.

- Đề ra các chỉ tiêu phát triển và lộ trình xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới hiện đại vào năm 2030.

- Làm cơ sở cho công tác quản lý xây dựng, quản lý đất đai theo quy hoạch được duyệt.

- Làm cơ sở lập quy hoạch chi tiết, các dự án đầu tư xây dựng và thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển.

- Nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

3. Tính chất, vai trò, chức năng khu vực lập quy hoạch

- Xã được xác định là trung tâm nông nghiệp (chuyên canh tôm - lúa bền vững, kết hợp phát triển dịch vụ và các điểm dân cư dọc hành lang tuyến kênh).

- Trong định hướng quy hoạch Tiểu vùng phía Nam An Giang xác định là cửa ngõ giao thương huyết mạch kết nối An Giang với Cà Mau qua Quốc lộ 63.

- Đóng vai trò vùng đệm hỗ trợ trực tiếp cho sự phát triển của Đô thị Vĩnh Phong.

4. Sơ bộ dự báo phát triển

4.1. Quy mô dân số

- Giai đoạn đến năm 2035: khoảng 51.600 người.

- Giai đoạn đến năm 2050: khoảng 65.000 người.

4.2 Chỉ tiêu về sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật

a) Chỉ tiêu sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật

- Chỉ tiêu sử dụng đất: (theo QCVN 01:2021/BXD)

+ Đất ở nông thôn : 40 - 60 m²/người.

+ Đất xây dựng công trình nhà ở khu dân cư : ≥ 25 m²/người.

+ Đất công trình công cộng, dịch vụ : 5 – 7 m²/người.

+ Đất cây xanh công cộng : ≥ 2 m²/người.

- Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật: (theo QCVN 01:2021/BXD)

+ Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật : ≥ 5 m²/người.

+ Cấp nước sinh hoạt : ≥ 60 lít/người/ngày.

+ Cấp điện sinh hoạt : ≥ 150 W/người.

+ Thoát nước thải thu gom : 80% lượng nước cấp.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh : 0,8kg rác/người/ngày/đêm.

+ Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt : ≥ 85%.

b) Dự báo quy mô đất đai và hạ tầng kỹ thuật

Quy mô đất đai và hạ tầng kỹ thuật được xác định dựa trên dân số dự báo và chỉ tiêu sử dụng đất trên đầu người.

5. Các nội dung chính quy hoạch

5.1. Nhu cầu sử dụng đất theo từng giai đoạn

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	HIỆN TRẠNG		QUY HOẠCH			
		NĂM 2025		NĂM 2035		NĂM 2050	
		DIỆN TÍCH (HA)	TỈ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (HA)	TỈ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (HA)	TỈ LỆ (%)
1	**ĐẤT NÔNG NGHIỆP**	**8.861,94**	**92,85**	**8.222,90**	**86,16**	**7.600,58**	**79,63**
1.1	- ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP	8.800,40	92,21	8.161,36	85,51	7.539,04	78,99
1.1.1	+ ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA	2.330,09	24,41	2.310,09	24,20	2.310,09	24,20
1.1.2	+ ĐẤT TRỒNG LÚA CÒN LẠI	5.419,85	56,79	4.812,30	50,42	4.200,91	44,01
1.1.3	+ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM	1.050,46	11,01	1.038,97	10,89	1.028,04	10,77
1.2	- ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN	53,77	0,56	53,77	0,56	53,77	0,56
1.3	- ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC	7,76	0,08	7,76	0,08	7,76	0,08
2	**ĐẤT XÂY DỰNG**	**404,72**	**4,24**	**1.042,36**	**10,92**	**1.664,68**	**17,44**
2.1	- ĐẤT Ở	164,42	1,72	735,22	7,70	1.307,38	13,70
2.2	- ĐẤT CÔNG CỘNG	5,51	0,06	5,51	0,06	40,66	0,43
2.2.1	+ ĐẤT XÂY DỰNG TRỤ SỞ CƠ QUAN	0,69	0,01	30,69	0,32	34,09	0,36
2.2.2	+ ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ Y TẾ	0,25	0,00	0,75	0,01	0,50	0,01
2.2.3	+ ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	4,48	0,05	5,98	0,06	5,98	0,06
2.2.4	+ ĐẤT CÔNG TRÌNH BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	0,05	0,00	0,05	0,00	0,05	0,00
2.2.5	+ ĐẤT CHỢ DÂN SINH, CHỢ ĐẦU MỐI	0,04	0,00	0,04	0,00	0,04	0,00
2.3	- ĐẤT CÂY XANH, THỂ DỤC THỂ THAO	0,15	0,00	0,15	0,00	0,15	0,00
2.3.1	+ ĐẤT KHU VUI CHƠI GIẢI TRÍ CỘNG CỘNG	0,15	0,00	0,15	0,00	0,15	0,00
2.4	- ĐẤT TÔN GIÁO, DANH LAM, DI TÍCH, ĐÌNH ĐỀN	0,27	0,00	1,27	0,01	1,27	0,01
2.4.1	+ ĐẤT TÍN NGƯỠNG	0,04	0,00	0,04	0,00	0,04	0,00
2.4.2	+ ĐẤT LỊCH SỬ DANH LAM THẮNG CẢNH	0,23	0,00	1,23	0,01	1,23	0,01
2.5	- ĐẤT XÂY DỰNG CÁC CHỨC NĂNG KHÁC	0,72	0,01	6,93	0,07	6,93	0,07

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	HIỆN TRẠNG		QUY HOẠCH			
		NĂM 2025		NĂM 2035		NĂM 2050	
		DIỆN TÍCH (HA)	TỈ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (HA)	TỈ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (HA)	TỈ LỆ (%)
	+ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	0,72	0,01	6,93	0,07	6,93	0,07
2.6	- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	228,36	2,39	288,00	3,02	303,00	3,17
2.6.1	+ ĐẤT GIAO THÔNG	228,22	2,39	269,96	2,83	269,96	2,83
2.6.2	+ ĐẤT CÔNG TRÌNH CẤP THOÁT NƯỚC	-	0,00	0,40	0,00	0,40	0,00
2.6.3	+ ĐẤT BÃI THẢI, XỬ LÝ CHẤT THẢI	-	0,00	0,50	0,01	0,50	0,01
2.6.4	+ ĐẤT CÔNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG	0,13	0,00	15,13	0,16	30,13	0,32
2.6.5	+ ĐẤT NGHĨA TRANG NHÂN DÂN		0,00	2,00	0,02	2,00	0,02
2.7	- ĐẤT HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT	5,18	0,05	5,18	0,05	5,18	0,05
	+ ĐẤT THỦY LỢI	5,18	0,05	5,18	0,05	5,18	0,05
2.8	- ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH	0,10	0,00	0,10	0,00	0,10	0,00
	+ ĐẤT AN NINH	0,10	0,00	0,10	0,00	0,10	0,00
3	**ĐẤT KHÁC**	**277,63**	**2,91**	**279,03**	**2,92**	**279,03**	**2,92**
	- ĐẤT SÔNG NGÒI, KÊNH, RẠCH	277,63	2,91	279,03	2,92	279,03	2,92
TỔNG CỘNG (1+2+3)		**9.544,29**	**100,00**	**9.544,29**	**100,00**	**9.544,29**	**100,00**

5.2. Các phân vùng phát triển

a. Phân vùng trung tâm hành chính – thương mại – dịch vụ - dân cư

- Vị trí: nằm trên tuyến đường tỉnh ĐT 965C thuộc ấp Kênh 2, kết nối trực tiếp với đường huyện ĐH67 (đường kênh Xáng Chắc Băng) đi xã Vĩnh Phong.

- Quy mô: Khoảng 30 ha.

- Định hướng phát triển:

+ Hình thành Trung tâm hành chính tập trung của xã sau năm 2035.

+ Bố trí trụ sở cơ quan hành chính, công an, quân sự, y tế, các công trình công cộng khác.

+ Phát triển đồng bộ các chức năng thương mại, dịch vụ và khu dân cư, nhà ở xã hội, trở thành hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của toàn xã.

(Khu Trung tâm hành chính xã được định hướng phát triển theo lộ trình gồm 02 giai đoạn. Trong giai đoạn đến năm 2035, tập trung chỉnh trang, nâng cấp các trụ sở hiện hữu nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công cho người dân. Giai đoạn sau năm 2035: Quy hoạch xây dựng khu Hành chính tập trung kết hợp khu thương mại dịch vụ với quy mô khoảng 30 ha bố trí các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng Công an, Ban Chỉ huy Quân sự , Y tế,...*

Vị trí khu trung tâm hành chính mới được đánh giá có nhiều lợi thế về kết nối giao thông và khả năng phát triển lâu dài. Khu vực nằm trên trục đường tỉnh ĐT 965C, là tuyến giao thông quan trọng kết nối với đường huyện ĐH.67 (kênh Xáng Chắc Băng) tuyến giao thông huyết mạch của khu vực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giao thương và kết nối với các địa phương lân cận. Đồng thời, khu vực này còn có khả năng kết nối nhanh với QL63 và các tuyến giao thông liên xã, góp phần tăng cường liên kết vùng sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản trọng điểm của xã.

b. Phân vùng thương mại, dịch vụ

- Vị trí: Khu vực tập trung tại chợ Đập Đá và phát triển dọc theo các trục giao thông chính, bao gồm đường huyện ĐH.67 (kênh Xáng Chắc Băng), đường huyện (ĐH.68) và đường tỉnh ĐT. 965C).

- Quy mô: Khoảng 5.0 ha.

- Định hướng phát triển: Hình thành các hành lang kinh tế gắn với lưu thông hàng hóa và nhu cầu dân sinh. Trong đó, trục đường huyện (ĐH.67) đóng vai trò là trục thương mại chính của xã, các trục còn lại phục vụ nhu cầu dịch vụ tổng hợp và thương mại quy mô phù hợp. Định hướng giai đoạn đến 2035 sẽ nâng cấp mở rộng Chợ Đập Đá lên 5.0 ha trên tuyến đường huyện ĐH.67 (kênh Xáng Chắc Băng) và quy hoạch thêm tuyến tránh phía sau chợ, nhằm nâng cao năng lực phục vụ, đáp ứng nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hóa của người dân trong xã và khu vực lân cận.

c. Phân vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Vị trí: Tại các ấp trong địa bàn xã.

- Định hướng phát triển: Đến năm 2050 thành lập mới 3 hợp tác xã (đến nay, toàn xã có 9 hợp tác xã, 25 tổ hợp tác), tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, được tổ chức theo mô hình trung tâm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển chuyên canh tôm – lúa theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời, từng bước hình thành các khu vực dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả kinh tế. Sản phẩm nông sản của xã (tôm kết hợp trồng lúa) định hướng đây là nguồn nguyên liệu chính để cung ứng cho Cụm Công nghiệp Vĩnh Phong.

d. Phân vùng dân cư và phát triển nông thôn

- Vị trí: Khu dân cư Trung tâm hành chính mới, các tuyến dân cư dọc theo các tuyến như kênh Xáng Chắc Băng đường huyện (ĐH.67), đường tỉnh (ĐT. 965C), tuyến dân cư chợ Đập Đá và các tuyến giao thông khác trên địa bàn.

- Định hướng phát triển:

+ Chỉnh trang, mở rộng các khu vực dân cư hiện hữu và phát triển các tuyến/ điểm dân cư mới.

+ Quy hoạch khu dân cư trung tâm xã gắn với khu hành chính mới, đáp ứng nhu cầu dân số đến năm 2050 và xây dựng nông thôn mới hiện đại.

5.3. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội và các công trình

Định hướng phát triển hạ tầng xã hội và các công trình phù hợp theo nhu cầu sử dụng nhằm nâng cao chất lượng đời sống người dân, hoàn thiện hệ thống giáo dục, y tế, văn hóa và thương mại; đồng thời tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới bền vững, hiện đại.

QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH HTXH TRÊN ĐỊA BÀN ĐẾN NĂM 2050

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH HT (M2)	DIỆN TÍCH QH (M2)	ĐỊA ĐIỂM QUY HOẠCH	GHI CHÚ
1	UBND VĨNH THUẬN/ KHU HÀNH CHÍNH TẬP TRUNG KẾT HỢP TMDV CÔNG AN XÃ , QUÂN SỰ XÃ	4.743	300.000	QH KHCTT TẠI KÊNH 2, ẤP KÊNH 2	Thực hiện sau 2035 Bố trí trụ sở cơ quan hành chính, công an, quân sự, y tế, các công trình công cộng khác cũa xã
2	UBND VĨNH THUẬN (Cơ sở 2)	2.594	2.594	KÊNH 1,ẤP KÊNH 1, GIỮ HIỆN TRẠNG, CHỈNH TRANG	Tiếp tục sử dụng cho đến khi chuyển về trụ sở mới tại Khu hành chính tập trung.
3	TRỤ SỞ ẤP KÊNH 14 KẾT HỢP NHÀ VĂN HÓA ẤP	115	2.000	ĐƯỜNG KÊNH 14, ẤP KÊNH 14	Mở rộng các trụ sở ấp, diện tích chiếm đất 2.000 m^2/ trụ sở. Tuy nhiên tùy theo tình hình sáp nhập ấp thực tế mà số lượng ấp có thể thay đổi
4	TRỤ SỞ ẤP RANH HẠT KẾT HỢP NHÀ VĂN HÓA ẤP	90	2.000	ĐƯỜNG ĐH.67 (KÊNH XÁNG CHẮC BĂNG), ẤP RANH HẠT	
5	TRỤ SỞ ẤP KÊNH 9 KẾT HỢP NHÀ VĂN HÓA ẤP	90	2.000	ĐƯỜNG KÊNH 9, ẤP KÊNH 9	
6	TRỤ SỞ ẤP BỜ XÁNG KẾT HỢP NHÀ VĂN HÓA ẤP	90	2.000	ĐƯỜNG ĐH.67 KÊNH BỜ XÁNG, ẤP BỜ XÁNG	
7	TRỤ SỞ ẤP KÊNH 3 KẾT HỢP NHÀ VĂN HÓA ẤP	90	2.000	ĐƯỜNG KÊNH 3, ẤP KÊNH 3	
8	TRỤ SỞ ẤP KÊNH VĨNH TRINH KẾT HỢP NHÀ VĂN HÓA ẤP	115	2.000	ĐƯỜNG KÊNH 14,ẤP VĨNH TRINH	
9	TRỤ SỞ ẤP KÊNH 1 KẾT HỢP NHÀ VĂN HÓA ẤP	80	2.000	ĐƯỜNG KÊNH 1, ẤP KÊNH 1	
10	TRỤ SỞ ẤP KÊNH 2 KẾT HỢP NHÀ VĂN HÓA ẤP	45	2.000	ĐƯỜNG KÊNH 2, ẤP KÊNH 2	
11	TRỤ SỞ ẤP VĨNH LỘC KẾT HỢP NHÀ VĂN HÓA ẤP	62	2.000	ĐƯỜNG (ĐH68) KÊNH 1, ẤP VĨNH LỘC	
12	TRỤ SỞ ẤP LÒ RÈN KẾT HỢP NHÀ VĂN HÓA ẤP	55	2.000	ĐƯỜNG KÊNH LÒ RÈN, ẤP LÒ RÈN	
13	TRỤ SỞ ẤP THẮNG LỢI KẾT HỢP NHÀ VĂN HÓA ẤP	55	2.000	ĐƯỜNG KÊNH CÔNG ĐIỀN, ẤP THẮNG LỢI	
14	TRẠM Y TẾ TÂN THUẬN	1.092	GIỮ HIỆN TRẠNG CẢI TẠO	ẤP KÊNH 1	Giai đoạn đến 2035: Trạm y tế Tân Thuận chuyển thành Điểm Y tế Vĩnh Thuận để tiếp tục hoạt động, giữ nguyên Trạm Y tế Vĩnh Thuận hiện hữu. Giai đoạn sau 2035 chuyển về Khu Hành chính của xã tại ấp
15	TRẠM Y TẾ VĨNH THUẬN	1.144	GIỮ HIỆN TRẠNG CẢI TẠO	ẤP VĨNH TRINH (*kênh Xáng Chắc Băng*)	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH HT (M2)	DIỆN TÍCH QH (M2)	ĐỊA ĐIỂM QUY HOẠCH	GHI CHÚ
					Kênh 2, với diện tích 5.000 m^2.
16	TRƯỜNG THCS & THPT VĨNH THUẬN	15.570	Mở rộng thêm 10.000 m^2	ẤP VĨNH TRINH (*kênh Xáng Chắc Băng*)	Mở rộng diện tích xây dựng Trường THPT kết hợp THCS
17	TRƯỜNG TIỂU HỌC VÕ VĂN KIỆT (ĐIỂM CHÍNH)	2.360	Mở rộng thêm 5.000 m^2	ẤP KÊNH 14	Mở rộng diện tích xây dựng để đảm tiêu chí
18	CHỢ VÀ KHU DÂN CƯ ẤP ĐẬP ĐÁ	386,62	MỞ RỘNG	ẤP RANH HẠT & ẤP BỜ XÁNG (*kênh Xáng Chắc Băng*)	Giai đoạn đến 2035: QH mở rộng khu Chợ Đập Đá thành 5 ha) kết hợp tuyến tránh và bố trí dân cư quanh chợ
19	CHỢ NỔI VĨNH THUẬN		10.000 m^2	Đầu Kênh 1 giao với kênh Xáng Chắc Băng ấp Vĩnh Lộc	Giai đoạn đến 2035: QH chợ nổi Vĩnh Thuận
20	SIÊU THỊ		5.00 m^2		
21	BƯU ĐIỆN VĨNH THUẬN	100	GIỮ HIỆN TRẠNG	ẤP BỜ XÁNG (Kênh 11)	ẤP VĨNH TRINH (*dự kiến QHXD 2026 - 2035 500m^2*)
22	MỞ RỘNG KHU DI TÍCH RANH HẠT	0.23	1.23 ha	ẤP RANH HẠT (ĐH.67- kênh Xáng Chắc Băng)	ẤP RANH HẠT (*dự kiến QHMR 2026 -2035 thành 1,23ha*)
23	KHO LNG TÂY NAM BỘ	-	30 ha	ẤP RANH HẠT (ĐH. 67- kênh Xáng Chắc Băng – dự kiến)	ẤP VĨNH LỘC (*dự kiến QHXD 2026 - 2035 30ha*
24	KHU TẬP KẾT RÁC THẢI	-	5.000 m^2	ẤP VĨNH TRINH (kênh 3)	ẤP VĨNH TRINH (*dự kiến QHM 2026 - 2035 5.000 m^2*)
25	NGHĨA TRANG NHÂN DÂN	0.7	2 ha	ẤP BỜ XÁNG (ĐH. 67- kênh Xáng Chắc Băng)	ẤP BỜ XÁNG (*dự kiến QHMR 2026 -2035 thành 2ha*)
26	NHÀ MÁY NƯỚC TÂN THUẬN	-	0.2ha	ẤP KÊNH 1	ẤP KÊNH 1 (*dự kiến QHXD 2026 - 2035 2.000 m^2*)
27	NHÀ MÁY NƯỚC VĨNH THUẬN	-	0.2ha	ẤP KÊNH 3 ĐƯỜNG KÊNH 3 SÁU NGÀN	(*dự kiến QHXD 2026 - 2035 2.000 m^2*)

5.4. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

a Giao thông

- Giao thông đối ngoại: Tăng cường kết vùng thông qua các trục giao thông chính hoàn thiện mạng lưới giao thông đối ngoại và nội vùng, kết nối với các tuyến đường huyện (ĐH.67) đi các xã của tỉnh Cà Mau, đường huyện (ĐH. 68), đường tỉnh (ĐT. 965C),… và các tuyến đường liên xã, liên ấp tạo điều kiện thúc đẩy giao thương hàng hóa và phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Giao thông nội vùng: Nâng cấp, mở rộng hệ thống đường liên xã, liên ấp và các tuyến đường dọc kênh nhằm bảo đảm kết nối thuận lợi giữa trung tâm xã với các khu dân cư, khu sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và cụm công nghiệp.

- Phát triển giao thông phục vụ sản xuất: Hoàn thiện mạng lưới giao thông đến các vùng sản xuất tập trung, khu nuôi thủy sản để phục vụ vận chuyển hàng hóa và nguyên vật liệu.

- Giao thông thủy: Khai thác hiệu quả hệ thống kênh rạch như kênh Xáng Chắc Băng, kênh Chống Mỹ, kênh Làng Thứ 7, kênh 1, kênh 2, và các tuyến kênh cấp 1, cấp 2 phục vụ vận tải thủy, tưới tiêu và thoát nước.

- Hệ thống cầu, cống: Đầu tư xây dựng các cầu trên các tuyến kênh Xáng Chắc Băng, kênh 1, kênh Chống Mỹ để kết nối thuận lợi với các xã lân cận, hệ thống cống đồng bộ với hệ thống kênh thủy lợi phát huy vai trò điều tiết nguồn nước cũng như ngăn lũ.

- Định hướng hạ tầng giao thông: Từng bước bê tông hóa các tuyến đường dân sinh, kết hợp trồng cây xanh và bảo vệ hành lang an toàn giao thông; bảo đảm kết nối thuận lợi giữa các khu chức năng trong toàn xã.

- Quy hoạch bến thủy nội địa: hiện trạng 8 bến, Quy hoạch mới thêm 10 bến trên địa bàn xã.

BẢNG QUY HOẠCH CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRONG ĐỊA BÀN XÃ

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Mặt đường QH (m)	Ghi chú
A	Các tuyến đối ngoại (liên xã)			43,4		QH 2026-2035
1	Đường Trục ĐH.67 (*kênh Xáng Chắc Băng)*	Giáp Ranh xã kênh 1	Giáp Ranh xã kênh Ranh Hạt	6,8	mặt rộng 7,5m, nền 12m	- Là trục động lực chính, kết nối với xã Vĩnh phong và các xã của tỉnh Cà Mau. - Đóng vai trò trục liên vùng, phục vụ hàng hóa và giao thương liên tỉnh.
2	Đường Trục ĐH.68 *(kênh 1)*	Giáp Ranh xã kênh Xáng Chắc Băng	Giáp Ranh xã kênh Chống mỹ	9,26	5,5	Tuyến giao thông quan trọng kết nối trục ĐH.67 với khu vực các xã U Minh Thượng cũ
3	Đường Trục ĐT.965C (kênh 2)	Giáp Ranh xã kênh Xáng Chắc Băng	Giáp Ranh xã kênh Chống mỹ	10,5	mặt rộng 7,5m, nền 12m	Đây là trục giao thông huyết mạch kết nối khu hành chính mới của với các khu vực lân cận và trục ĐH.67
4	Đường Trục kênh 4000-5000 (kênh 4000,5000)	Giáp Ranh xã kênh Làng Thứ 7	Giáp Ranh xã kênh Ranh Hạt	12,79	5,5	Kết nối các trục dọc, đồng thời liên thông kết nối với Quốc lộ 63
5	Mở mới Tuyến Đường (Khu trung tâm hành chính xã mới)	kênh 1	kênh Ranh Hạt	8,9	7,5	Tạo sự thuân lợi kết nối từ khu trung tâm hành chính mới của xã, kết nói trục ĐH 68 và đi Quốc Lộc 63 được thuận tiện
B	Các tuyến trong địa bàn xã			178,26		QH 2026-2035

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Mặt đường QH (m)	Ghi chú
1	Mở mới Tuyến Tránh (Tuyến Tránh phía sau chợ Ranh Hạt)	kênh 12	kênh 5	1,85	5,5	Tạo vòng khép kín tránh tình trạng tắt nghẽn giao thông tại khu vực chợ Đập đá
2	Đường kênh Ranh Hạt (bờ Đông)	Đ.ĐH67 (kênh xáng chắc Băng)	Đường kênh Chống Mỹ	6,8	5,5	QH XD mặt đường nhựa R5,5m hoặc BTXM
3	Đường kênh Chống Mỹ (bờ Nam)	Đường kênh Ranh Hạt	Đường kênh Làng Thứ 7	13,1	5,5	QH XD mặt đường nhựa R5,5m hoặc BTXM
4	Đường kênh 1 (bờ Đông)	Đ.ĐH67 (kênh xáng chắc Băng)	Đường kênh Chống Mỹ	7,4	3,5	QH XD mặt đường 3,0 - 3,5m BTXM
5	Đường kênh 2 (bờ Tây)	Đ.ĐH67 (kênh xáng chắc Băng)	Đường kênh Chống Mỹ	8,5	3,5	QH XDM mặt đường 3,0-3,5m BTXM
6	Đường kênh *3 (bờ Tây)*	Đ.ĐH67 (kênh xáng chắc Băng)	Đường kênh Chống Mỹ	8,38	3,5	QH XD mặt đường 3,0 - 3,5m BTXM
7	Đường kênh Bạch Ngưu (bờ Bắc*)*	Đường kênh Chống Mỹ	Đường ĐH 68, kênh Lành Thứ 7	9,96	3,5	QH XD mặt đường 3,0 - 3,5m BTXM
8	Đường kênh Bạch Ngưu *(bờ Nam)*	Đường kênh Chống Mỹ	Đường ĐH 68, kênh Lành Thứ 7	9,96	3,5	QH XD mặt đường 3,0 - 3,5m BTXM
9	Đường kênh Công Điền *(bờ Bắc)*	Đường kênh Chống Mỹ	Đường ĐH 68, kênh Lành Thứ 7	2,3	3,5	QH XD mặt đường 3,0 - 3,5m BTXM
10	Đường kênh Công Điền (bờ Nam)	Đường kênh Chống Mỹ	Đường ĐH 68, kênh Lành Thứ 7	2,3	3,5	QH XD mặt đường 3,0 - 3,5m BTXM
11	*Đường kênh Giữa* (bờ Bắc)	Giáp Ruộng	kênh Tư Mị	2,57	3,5	QH XDM mặt đường 3,0 - 3,5m BTXM
12	Đường kênh Giữa (bờ Nam)	Giáp Ruộng	kênh Tư Mị	2,57	3,5	QH XDM mặt đường 3,0 - 3,5m BTXM
13	Đường kênh Lò Rèn (bờ Đông)	Đường ĐH.67 (kênh Xáng Chắc Băng)	Đường kênh Chống Mỹ	9,1	3,5	QH XDM mặt đường 3,0-3,5m BTXM
14	Đường kênh Lò Rèn (bờ Tây*)*	Đường ĐH.67 (kênh Xáng Chắc Băng	Đường kênh Chống Mỹ	9,1	3,5	QH XDM mặt đường 3,0-3,5m BTXM
15	Đường kênh Thủy Lợi (bờ Đông)	Đường kênh Chống Mỹ	Đường kênh Thủy Lợi	5,3	3,5	QH XDM mặt đường 3,0 - 3,5m BTXM
16	Đường kênh Thủy Lợi (bờ Tây)	Đường Kênh Chống Mỹ	kênh 3000	5,6	3,5	QH XD mặt đường 3,0 - 3,5m BTXM
17	Đường kênh Đòn Dong (bờ Đông)	Đường kênh Chống Mỹ	Giáp Ruộng	7,3	3,5	QH XD mặt đường 3,0 - 3,5m BTXM
18	Đường kênh Đòn Dong *(*bờ Tây)	Đường kênh Chống Mỹ	Giáp Ruộng	7,3	3,5	QH XD mặt đường 3,0 - 3,5m BTXM

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Mặt đường QH (m)	Ghi chú
19	Đường kênh Thủy Lợi (bờ Đông)	Đường ĐH.67 (kênh Xáng Chắc Băng)	Đường kênh Chống Mỹ	8,13	3,5	QH XD mặt đường 3,0 - 3,5m BTXM
20	Đường kênh Thủy Lợi (bờ Tây)	Đường ĐH.67 (kênh Xáng Chắc Băng)	Đường kênh Chống Mỹ	8,13	3,5	QH XD mặt đường 3,0 - 3,5m BTXM
21	Đường kênh 13 (bờ Đông)	Đường ĐH.67 (kênh Xáng Chắc Băng)	Đường kênh Chống Mỹ	7,83	3,5	QH XD mặt đường 3,0 - 3,5m BTXM
22	Đường kênh 13 (bờ Tây)	Đường ĐH.67 (kênh Xáng Chắc Băng)	Đường kênh Chống Mỹ	7,83	3,5	QH XD mặt đường 3,0 - 3,5m BTXM
23	Đường kênh 11 (bờ Đông)	Đường ĐH.67 (kênh Xáng Chắc Băng)	Đường kênh Chống Mỹ	7,61	3,5	QH XD mặt đường 3,0 - 3,5m BTXM
24	Đường kênh 11(bờ tây)	Đường ĐH.67 (kênh Xáng Chắc Băng	Đường kênh Chống Mỹ	7,61	3,5	QH XD mặt đường 3,0 - 3,5m BTXM
25	Đường kênh 9 Lớn (bờ Đông, bờ Tây)	Đường ĐH.67 (kênh Xáng Chắc Băng	Đường kênh Chống Mỹ	7,04 7,04	3,5	QH XD mặt đường 3,0 - 3,5m BTXM
C	Xây dựng mới các Cầu					QH 2026-2035
1	Tháo dỡ cầu thép, XDM cầu BTXM kết nối xã với QL63	Đường.ĐH.67	QL63			XDM 1 cầu BTXM kết nối xã với QL63
2	XDM cầu BTXM kết nối xã với QL63	Đường ĐH.67 (UBND XÃ)	QL63			XDM 1 cầu BTXM kết nối xã với QL63
3	XDM cầu BTXM kết nối TTHC mới với QL63	Đường ĐT.965C (KHC MỚI)	QL63			XDM 1 cầu BTXM kết nối TTHC mới với QL63
4	XDM cầu BTXM kết nối TTHC mới với QL63 (ngang kênh 1)	Đường ĐT.965C (KHC MỚI)	QL63			XDM 1 cầu BTXM kết nối TTHC mới với QL63
5	XDM cầu BTXM kết nối xã với QL63 (ngang kênh Làng Thứ 7)	Đường kênh Làng thứ 7	QL63			XDM 1 cầu BTXM kết nối Kênh Làng thứ 7 với QL63

b. Cấp điện

- Nguồn điện sử dụng từ lưới điện quốc gia, thông qua hệ thống trung thế và trạm biến áp hiện hữu. Từng bước nâng cấp, mở rộng lưới điện đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất. Ưu tiên cấp điện cho khu trung tâm, dân cư, thương mại – dịch vụ, khu công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao, khuyến khích phát triển điện mặt trời áp mái, bảo đảm cấp điện ổn định, an toàn.

- Tổng nhu cầu dùng điện đến năm 2035: 8.054 KVA.

- Tổng nhu cầu dùng điện đến năm 2050: 3.748 KVA.

c. Cấp nước

- Nguồn nước từ trạm cấp nước liên xã Vĩnh Phong – Vĩnh Thuận (công suất khoảng 100 m³/giờ) và trạm cấp nước Tân Thuận (công suất khoảng 50 m³/giờ). Từng bước hoàn thiện, mở rộng mạng lưới cấp nước đến các tuyến dân cư và nâng cấp công suất các trạm cấp nước, đảm bảo cấp nước ổn định đạt quy chuẩn.

- Mạng lưới cấp nước được định hướng phát triển đồng bộ với hệ thống giao thông và khu dân cư; ưu tiên cấp nước cho khu trung tâm xã, các điểm dân cư tập trung, trường học, trạm y tế, công trình công cộng và các khu vực sản xuất. Đồng thời, từng bước nâng tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và đảm bảo tiêu chí hạ tầng kỹ thuật trong xây dựng nông thôn mới.

- Tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2035: 4.664 m^3/ngày.đêm.

- Tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2050: 6.503 m^3/ngày.đêm.

d. Thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt

- Thoát nước theo nguyên tắc tách riêng nước mưa và nước thải.

+ Nước mưa thoát theo địa hình tự nhiên, qua mương, rãnh và hệ thống kênh rạch hiện hữu.

+ Nước thải sinh hoạt xử lý phân tán qua bể tự hoại, từng bước đầu tư hệ thống thu gom, xử lý tập trung. Bảo đảm vệ sinh môi trường, hạn chế ngập úng và ô nhiễm nguồn nước.

- Tổng nhu cầu thoát nước đến năm 2035: 1.792 m^3/ngày.đêm.

- Tổng nhu cầu thoát nước đến năm 2050: 3.271 m^3/ngày.đêm.

e. Quy hoạch Rác thải, vệ sinh môi trường – Nghĩa trang

- Rác thải: Toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã được tổ chức thu gom tập trung và vận chuyển về khu xử lý rác để xử lý theo quy định và bố trí khu tập kết rác 0,5 ha trên tuyến kênh 3, khuyến khích thực hiện phân loại rác tại nguồn, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư, góp phần bảo vệ môi trường xanh, sạch và bền vững.

- Tổng lượng phát thải đến năm 2035: 37,15 tấn/ngày.đêm.

- Tổng lượng phát thải đến năm 2050: 46,8 tấn/ngày.đêm.

Nghĩa trang: Quy hoạch mở rộng nghĩa trang diện tích 02 ha tại đường huyện (ĐH.67) kênh Xáng Chắc Băng thuộc ấp Bờ Xáng. Tổ chức chôn cất theo hướng tập trung, bảo đảm khoảng cách an toàn môi trường. Từng bước khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng tiết kiệm đất.

f. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động được định hướng theo hướng hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và phù hợp với quy hoạch cấp trên. Tiếp tục khai thác hiệu quả hạ tầng hiện có, đồng thời đầu tư nâng cấp, mở rộng mạng cáp quang, xây dựng thêm trạm phát sóng (BTS) và hạ tầng truyền dẫn, bảo đảm chất lượng dịch vụ trên toàn địa bàn; khuyến khích sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật nhằm tiết kiệm quỹ đất, giảm chi phí đầu tư và bảo đảm mỹ quan. Ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông băng thông rộng, mở rộng vùng phủ sóng 4G, 5G tại

khu trung tâm, khu dân cư, khu thương mại – dịch vụ và các khu vực phát triển mới.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Kinh tế có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng An Giang và các đơn vị có liên quan:

- Hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố công khai Quy hoạch chung , tỉnh An Giang đến năm 2050 theo quy định; quản lý, cung cấp hồ sơ quy hoạch; tổ chức thực hiện và quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch được duyệt theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện đồ án quy hoạch theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế xã, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày./.

Nơi nhận:
- Sở Xây dựng tỉnh An Giang;
- Như Điều 3;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- CT và các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn xã;
- LĐVP; CVNC;
- Trang Thông tin điện tử;
- Các ấp;
- Lưu: VT, vhdien.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ VĨNH THUẬN T. AN GIANG

Huỳnh Ngọc Nguyên